

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bán niên năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

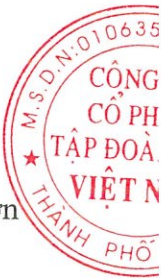
Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam

- Mã chứng khoán: HSV
- Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024 6686 1968 Fax:
- Email: info@hsvvietnam.com Website: <https://hsvvietnam.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 2026
- ✓ BCTC riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc); ☒
- ✓ BCTC hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con); ☐
- ✓ BCTC tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng); ☐
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):
Có ☐ Không ☒
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
Có ☐ Không ☐
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC đã được kiểm toán):
Có ☒ Không ☐
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
Có ☒ Không ☐
- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
Có ☒ Không ☐
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
Có ☒ Không ☐



- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐

Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2026 tại đường dẫn: <https://hsvvietnam.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	7 - 44
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>14 - 44</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106358846 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 19 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 19 được Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 03 năm 2026.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19: 307.499.940.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2026: 307.499.940.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Email : Info@hsvvietnam.com
Website : hsvvietnam.com
Điện thoại : 024 6686 1968
Mã số thuế : 0 1 0 6 3 5 8 8 4 6

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 44.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Quyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Khang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Hồng Khang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quyên	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/4/2026
Bà Nguyễn Thị Khuyên	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 17/4/2026

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Văn Quân

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quân

Số : 0106.01.01/2026/BCTC-NTVHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026 từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ soát xét; soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phó Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.293.017.610	477.889.788.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.625.206.020	13.142.668.648
1. Tiền	111		6.625.206.020	13.142.668.648
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		95.147.016.645	93.602.516.049
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	95.147.016.645	93.602.516.049
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		421.634.970.048	258.141.911.878
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	229.186.342.228	184.531.556.913
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	196.648.962.018	78.876.098.367
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	1.704.937.485	78.360.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(5.905.271.683)	(5.344.103.402)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	45.840.953.812	77.072.927.126
1. Hàng tồn kho	141		45.840.953.812	77.072.927.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		11.044.871.085	35.929.764.535
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	143.292.786	134.025.152
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.9	10.901.578.299	35.795.739.382

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.602.693.623	99.116.170.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.225.190.628	22.056.849.611
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	56.395.394.367	12.128.672.237
- Nguyên giá	222		69.799.209.653	23.456.617.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.403.815.286)	(11.327.944.823)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9.829.796.261	9.928.177.374
- Nguyên giá	228		10.723.424.696	10.723.424.696
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(893.628.435)	(795.247.322)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.12	67.254.351.852	36.900.000.000
- Nguyên giá	241		67.254.351.852	36.900.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2b	40.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		40.000.000.000	40.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		123.151.143	159.320.705
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	123.151.143	159.320.705
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		753.895.711.233	577.005.958.551

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		421.695.167.286	399.345.337.058
I. Nợ ngắn hạn	310		421.695.167.286	399.345.337.058
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	41.372.099.745	8.135.018.634
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	9.451.511.455	4.200.000.000
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	2.195.387.924	1.428.738.171
5. Phải trả người lao động	315		283.713.517	-
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	684.567.953	257.325.709
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		97.000	-
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	367.707.789.692	385.324.254.544
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	332.200.543.947	177.660.621.493
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		307.499.940.000	157.499.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		307.499.940.000	157.499.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.700.603.947	20.160.681.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		20.160.681.493	15.743.639.453
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		4.539.922.454	4.417.042.040
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		753.895.711.233	577.005.958.551



Lập ngày 14 tháng 08 năm 2026

Vũ Thị Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	927.147.311.508	753.347.871.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		927.147.311.508	753.347.871.547
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	908.267.468.294	742.843.690.434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.879.843.214	10.504.181.113
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	4.012.622.129	3.265.861.967
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	13.231.996.248	6.770.082.404
Trong đó: chi phí đi vay	24		13.231.996.248	6.770.082.404
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	407.537.667	534.419.585
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.120.980.885	3.321.155.967
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.131.950.543	3.144.385.124
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.653.782.921	704.169.461
13. Chi phí khác	32	VI.8	22.954.318	24.746.941
14. Lợi nhuận khác	40		1.630.828.603	679.422.520
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.762.779.146	3.823.807.644
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.222.856.692	803.888.933
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.539.922.454</u>	<u>3.019.918.711</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>177</u>	<u>192</u>
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>177</u>	<u>192</u>

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2026

Vũ Thị Hương
Người lập biểuNguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởngNguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.762.779.146	3.823.807.644
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.174.251.576	1.369.940.829
- Các khoản dự phòng	03		561.168.281	222.555.053
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(4.012.622.129)	(3.265.861.967)
- Chi phí đi vay	06		13.231.996.248	6.770.082.404
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.717.573.122	8.920.523.963
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.562.017.861)	9.822.938.344
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.231.973.314	(17.524.158.848)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		38.579.725.323	(3.220.009.107)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		26.901.928	237.851.491
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(13.226.117.641)	(6.747.785.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.139.758.135)	(1.036.974.956)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.628.280.050	(9.547.614.446)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(142.926.813.026)	(18.450.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	8.668.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(86.000.000.000)	(167.870.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		86.843.571.535	141.670.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(40.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.553.963.665	1.694.924.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(140.529.277.826)	(74.287.075.555)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		150.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		531.065.958.570	439.437.583.060
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(548.682.423.422)	(344.776.786.875)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.383.535.148	94.660.796.185
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.517.462.628)	10.826.106.184
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.142.668.648	33.802.962.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6.625.206.020	44.629.068.721

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2026



Vũ Thị Hương
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Khái quát về Công ty:**

Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106358846 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 19 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 19 được Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 03 năm 2026.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19: 307.499.940.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2026: 307.499.940.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Email: Info@hsvvietnam.com

Website: hsvvietnam.com

Điện thoại: 024 6686 1968

Mã số thuế: 0106358846

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phôi thép, thép các loại, cả phế robusta, hạt nhựa nguyên sinh, một số mặt hàng nông sản khác và dịch vụ vận tải.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Tổng số lao động tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2026:** 15 người (Số nhân viên đầu năm là 14 người).

7. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Kho hàng	Khu Công nghiệp Bình Phú, Tây Phương, Thành phố Hà Nội	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, phôi thép

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Cây lâu năm	10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

- Quyền sử dụng đất Phú Cát, thôn 3, xã Phù Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội - Giá trị trồng cây lâu năm 903m² được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 22 năm.
- Quyền sử dụng đất không thời hạn Phú Cát thôn 3, xã Phù Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội - đất lâu dài 300m² không phải trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Căn hộ P906 Nhà C6 Khối I Khu ĐTM Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) không phải trích khấu hao.
- Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Căn hộ P905 Nhà C6 Khối I Khu ĐTM Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội) không phải trích khấu hao.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư tại đơn vị là:

- Căn hộ chung cư số 1911 – Tòa Park 3, Khu đô thị Vinhomes Times City Park Hill, số 25, ngõ 13 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng 117,3m², thời hạn sử dụng: lâu dài theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00666009, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP18054 cấp ngày 14/6/2025.
- Căn hộ chung cư số 2918 – Nhà T18, Khu đô thị Vinhomes Times City phường Mai Động, thành phố Hà Nội có diện tích 114,1m², thời gian sử dụng: lâu dài theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 04335272, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số VP44812 do Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 10/11/2025.
- Căn hộ chung cư số 2711 – Tòa Park 3, khu đô thị Vinhomes Times City Park Hill, số 25 ngõ 13 đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng 117,2m², thời gian sử dụng: lâu dài theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 06868040, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP75911 cấp ngày 4/6/2026.
- Căn hộ chung cư số B2-2002-Khối nhà B1-B2, Tecco Garden xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng 127,3m², thời gian sử dụng: lâu dài theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 06868035, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP77476 cấp ngày 12/6/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản và phải thu

Các khoản và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.049.177.389	526.562.332
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.576.028.631	12.616.106.316
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.531.096.006	5.320.148.094
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	28.964.650	6.975.163.509
Các ngân hàng khác	15.967.975	320.794.713
Cộng	6.625.206.020	13.142.668.648

2. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	95.147.016.645	-	93.602.516.049	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	92.630.826.680	-	92.442.283.561	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	41.500.000.000	-	36.865.400.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	20.400.000.000	-	20.400.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	20.020.729.146	-	19.576.883.561	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.710.097.534	-	15.600.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.141.532.431	-	1.160.232.488	-
Lãi tiền cho vay	1.374.657.534	-	-	-
Cộng	95.147.016.645	-	93.602.516.049	-

(*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng, 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với mức lãi suất từ 3,4%/năm đến 8,0%/năm và đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng này. (Chi tiết xem Thuyết minh số V.17).

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam (*)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Cộng	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-

(*) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn HSV Việt Nam nhận chuyển nhượng 40% cổ phần tương ứng vốn góp 48.000.000.000 VND với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND. Hiện công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.442.232.013</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam	2.442.232.013	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>226.744.110.215</i>	<i>184.531.556.913</i>
Công ty TNHH Hồng Minh Phúc	53.002.226.930	25.507.301.210
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HKL	36.676.620.845	18.513.652.065
Công ty Cổ phần Thép Hoa Thịnh Phát	23.423.935.133	15.641.142.958
Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Việt	16.436.354.657	28.227.928.880
Công ty Cổ phần Kim loại Thiên Long	9.980.138.372	31.485.440.234
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú An Vinh	5.479.480.898	22.714.126.671
Các khách hàng khác	81.745.353.380	42.441.964.895
Cộng	229.186.342.228	184.531.556.913

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>196.648.962.018</i>	<i>78.876.098.367</i>
Công ty TNHH Công nghiệp Đóng tàu, Vận tải và Thương mại Hưng Thịnh	71.747.927.497	4.220.466.323
Công ty TNHH THK Hà Nội	39.762.334.942	16.179.903.187
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh	19.975.000.000	24.980.000.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Kinh doanh Tiền Tài	-	8.037.454.000
Các nhà cung cấp khác	65.163.699.579	25.458.274.857
Cộng	196.648.962.018	78.876.098.367

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>18.360.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam	-	-	18.360.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.704.937.485</i>	<i>-</i>	<i>60.000.000</i>	<i>-</i>
Phải thu tiền phạt vi phạm tiến độ hợp đồng - Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh	1.115.753.425	-	-	-
Phải thu tiền phạt chậm thanh toán - Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình	529.184.060	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Cộng	1.704.937.485	-	78.360.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>				
Guangxi Youchen Mport and Export Co.,LTD	Quá hạn từ 2 năm đến trên 3 năm	3.650.517.717 2.968.741.000	Quá hạn từ 2-3 năm	3.650.517.717 2.968.741.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Kinh doanh và Xây dựng VINCI Việt Nam	Quá hạn trên 3 năm	2.368.741.000	Quá hạn trên 3 năm	2.368.741.000
Công ty TNHH MTV Minh Châu Hy Cộn	Quá hạn từ 2-3 năm	600.000.000	Quá hạn từ 2-3 năm	600.000.000
		6.619.258.717		6.619.258.717
		(5.905.271.683)		(5.344.103.402)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	97.390.670	-	-	-
Hàng hóa	45.743.563.142	-	77.072.927.126	-
Cộng	45.840.953.812	-	77.072.927.126	-

8. Chi phí chờ phân bổ**a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	15.999.998	20.001
Chi phí bảo hiểm	67.893.334	80.823.333
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	59.399.454	53.181.818
Cộng	143.292.786	134.025.152

b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	51.637.211	133.954.538
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	71.513.932	25.366.167
Cộng	123.151.143	159.320.705

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tương đương tiền bị hạn chế sử dụng trong ngắn hạn	10.901.578.299	35.795.739.382
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	10.888.626.957	34.926.310.860
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	700.000.000
Lãi dự thu các khoản tương đương tiền	12.951.342	169.428.522
Cộng	10.901.578.299	35.795.739.382

(*) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 2,1%/năm đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng này. (Chi tiết xem Thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.919.732.304	5.494.666.667	13.949.782.160	992.435.929	1.100.000.000	23.456.617.060
Tăng trong kỳ	-	-	46.342.592.593	-	-	46.342.592.593
Số cuối kỳ	1.919.732.304	5.494.666.667	60.292.374.753	992.435.929	1.100.000.000	69.799.209.653
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	2.494.545.455	327.380.273	-	2.821.925.728
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	357.727.434	2.458.501.402	7.526.063.390	584.684.847	400.967.750	11.327.944.823
Khấu hao trong kỳ	24.408.626	374.424.286	1.583.488.342	38.549.209	55.000.000	2.075.870.463
Số cuối kỳ	382.136.060	2.832.925.688	9.109.551.732	623.234.056	455.967.750	13.403.815.286
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.562.004.870	3.036.165.265	6.423.718.770	407.751.082	699.032.250	12.128.672.237
Số cuối kỳ	1.537.596.244	2.661.740.979	51.182.823.021	369.201.873	644.032.250	56.395.394.367

Một số tài sản cố định có nguyên giá là 10.718.784.545 VND và giá trị còn lại là 5.419.200.289 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	10.723.424.696	10.723.424.696
Số cuối kỳ	10.723.424.696	10.723.424.696
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	795.247.322	795.247.322
Khấu hao trong kỳ	98.381.113	98.381.113
Số cuối kỳ	893.628.435	893.628.435
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	9.928.177.374	9.928.177.374
Số cuối kỳ	9.829.796.261	9.829.796.261

(*) Tài sản cố định vô hình là các quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của căn hộ chung cư 905 + 906 thuộc nhà chung cư C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội) có nguyên giá 466.904.696 VND. Quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao. QSDĐ đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.
- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài 300m2 của thửa đất số 248 xã Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 001754 quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/10/2021 có nguyên giá 5.960.544.705 VND. Quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao. QSDĐ đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.
- Giá trị quyền sử dụng đất – giá trị trồng cây lâu năm: 903,2 m2 (thời hạn đến 15/10/2043) xã Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 001754 quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/10/2021 có nguyên giá 4.295.975.295 VND và giá trị còn lại 3.500.727.970 VND; QSDĐ đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

12. Bất động sản đầu tư

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	67.254.351.852	36.900.000.000
Cộng	67.254.351.852	36.900.000.000

Bất động sản đầu tư tại đơn vị là:

- Căn hộ chung cư số 1911 – Tòa Park 3, Khu đô thị Vinhomes Times City Park Hill, số 25, ngõ 13 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng 117,3m2, thời hạn sử dụng: lâu dài theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00666009, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP18054 cấp ngày 14/6/2025 thuộc sở hữu của Công ty.

- Căn hộ chung cư số 2918 – Nhà T18, Khu đô thị Vinhomes Times City phường Mai Động, thành phố Hà Nội có diện tích 114,1m2, thời gian sử dụng: lâu dài theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 04335272, sổ vào sổ cấp Giấy chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12345678910111213141516171819202122232425262728293031

nhận số VP44812 do Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 10/11/2025 thuộc sở hữu của Công ty.

- Căn hộ chung cư số 2711 – Tòa Park 3, khu đô thị Vinhomes Times City Park Hill, số 25 ngõ 13 đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng 117,2m², thời gian sử dụng: lâu dài theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 06868040, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP75911 cấp ngày 4/6/2026 thuộc sở hữu của Công ty.

- Căn hộ chung cư số B2-2002-Khối nhà B1-B2, Tecco Garden xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội có diện tích sử dụng 127,3m², thời gian sử dụng: lâu dài theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 06868035, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: VP77476 cấp ngày 12/6/2026 thuộc sở hữu của Công ty.

Các bất động sản đầu tư hiện tại đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long. (Chi tiết xem Thuyết minh số V.17).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	41.372.099.745	8.135.018.634
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất An Sinh	15.766.681.608	5.014.684.375
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	10.537.653.069	-
Công ty TNHH Thép Phú Thái	8.802.842.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thép Đại Việt	5.052.913.800	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam	-	2.119.912.053
Các nhà cung cấp khác	1.212.008.868	1.000.422.206
Cộng	41.372.099.745	8.135.018.634

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	9.451.511.455	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Long Đỗ	5.955.787.500	-
Công ty TNHH Công nghiệp Đóng tàu, Vận tải và Thương mại Hưng Thịnh	2.834.898.955	-
Công ty TNHH Thương mại THT Thăng Long	-	4.200.000.000
Các khách hàng khác	660.825.000	-
Cộng	9.451.511.455	4.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	288.081.546	1.060.778.543	(379.273.007)	969.587.082
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.139.758.135	1.222.856.692	(1.139.758.135)	1.222.856.692
Thuế thu nhập cá nhân	898.490	6.873.133	(4.827.473)	2.944.150
Các loại thuế khác	-	21.744.271	(21.744.271)	-
Cộng	1.428.738.171	2.312.252.639	(1.545.602.886)	2.195.387.924

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	684.567.953	257.325.709
Chi phí lãi vay phải trả	263.204.316	257.325.709
Chi phí thuê văn phòng	421.363.637	-
Cộng	684.567.953	257.325.709

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	367.707.789.692	367.707.789.692	385.324.254.544	385.324.254.544
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (1)	270.857.716.846	270.857.716.846	269.925.801.828	269.925.801.828
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Vĩnh Phúc (2)	39.964.456.911	39.964.456.911	39.900.000.000	39.900.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	38.544.799.348	38.544.799.348	49.956.351.200	49.956.351.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (4)	18.340.816.587	18.340.816.587	25.542.101.516	25.542.101.516
Cộng	367.707.789.692	367.707.789.692	385.324.254.544	385.324.254.544

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo các Hợp đồng:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2026-HĐCVHM/NHCT326-HSV 250 tỷ ký ngày 26/6/2026. Hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức đến ngày 26/6/2027, lãi suất được quy định theo từng Giấy nhận nợ, thời hạn cho vay không quá 4 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2026-HĐCVHM/NHCT326-HSV 30 tỷ ký ngày 26/6/2026. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 26/6/2027, lãi suất được quy định theo từng Giấy nhận nợ, thời hạn cho vay không quá 3 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long được đảm bảo bởi các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng này và tài sản khác theo các hợp đồng thế chấp kèm theo.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng Cho vay số REF2602759005/HĐCV ngày 5/2/2026. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng 12 tháng, lãi suất được quy định theo từng Giấy nhận nợ, thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại sắt, thép, phế liệu sắt, thép và hạt nhựa của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bởi các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng này và tài sản khác theo các hợp đồng thế chấp kèm theo.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng Cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4923-01 ký ngày 11/4/2025. Hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng 12 tháng, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn cho vay từng lần tối đa không quá 5 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành thư tín dụng nội địa/UPAS L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh thép phế liệu, cà phê; vay thanh toán lương cán bộ nhân viên, các chi phí phát sinh trong kinh doanh: xăng/dầu/điện/nước, nhân công, bảo hiểm/vận tải/kho bãi.. phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng Cấp tín dụng số 21/25/CTD-HSV ngày 29/5/2025. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn hiệu lực đến hết ngày 28/05/2026, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn cho vay từng lần tối đa không quá 4 tháng. Mục đích vay tài trợ các nhu cầu vay vốn ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại sắt thép, sắt thép phế liệu nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng này và tài sản khác theo các hợp đồng thế chấp kèm theo.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	385.324.254.544	531.065.958.570	(548.682.423.422)	367.707.789.692
Cộng	385.324.254.544	531.065.958.570	(548.682.423.422)	367.707.789.692

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	157.499.940.000	15.743.639.453	173.243.579.453
Lợi nhuận trong năm trước	-	4.417.042.040	4.417.042.040
Số dư cuối năm trước	157.499.940.000	20.160.681.493	177.660.621.493
Số dư đầu năm nay	157.499.940.000	20.160.681.493	177.660.621.493
Tăng vốn trong kỳ này	150.000.000.000	-	150.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	4.539.922.454	4.539.922.454
Số dư cuối kỳ này	307.499.940.000	24.700.603.947	332.200.543.947

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Hồng Tảo	26.797.650.000	8,71%	9.297.650.000	5,90%
Bà Lê Thị Hằng	28.952.000.000	9,42%	8.952.000.000	5,68%
Ông Nguyễn Văn Quân	32.325.000.000	10,51%	8.235.000.000	5,23%
Các cổ đông khác	219.425.290.000	71,36%	131.015.290.000	83,19%
Cộng	307.499.940.000	100,00%	157.499.940.000	100,00%

c, Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.749.994	15.749.994
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.749.994	15.749.994
- Cổ phiếu phổ thông	30.749.994	15.749.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.749.994	15.749.994
- Cổ phiếu phổ thông	30.749.994	15.749.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la mỹ (USD)	74,04	74,04

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sắt thép phế liệu	704.907.369.705	530.651.695.259
Doanh thu bán nông sản	183.564.510.000	165.437.185.060
Doanh thu bán hàng hóa khác	31.329.810.865	57.258.991.228
Doanh thu vận chuyển	7.345.620.938	-
Cộng	927.147.311.508	753.347.871.547

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam	2.261.325.938	-

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của sắt thép phế liệu đã bán	691.431.260.170	520.721.122.142
Giá vốn của nông sản	183.577.580.000	165.024.364.400
Giá vốn hàng hóa đã bán khác	30.964.837.726	57.098.203.892
Giá vốn vận chuyển	2.293.790.399	-
Cộng	908.267.468.294	742.843.690.434

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.012.622.129	3.265.861.967
Cộng	4.012.622.129	3.265.861.967

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	13.231.996.248	6.770.082.404
Cộng	13.231.996.248	6.770.082.404

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	69.001.400	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.997.837	227.113.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.538.430	307.306.152
Cộng	407.537.667	534.419.585

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.416.945.852	1.298.405.696
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.198.168	241.780.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.016.081.276	1.038.482.156
Thuế, phí và lệ phí	-	5.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	561.168.281	222.555.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.674.988.597	256.644.937
Các chi phí khác	322.598.711	258.287.504
Cộng	5.120.980.885	3.321.155.967

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.644.937.485	-
Thu nhập khác	8.845.436	704.169.461
Cộng	1.653.782.921	704.169.461

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt, bị truy thu	22.954.316	24.745.413
Chi phí khác	2	1.528
Cộng	22.954.318	24.746.941

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.762.779.146	3.823.807.644
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	351.504.316	195.637.021
- Các khoản điều chỉnh giảm	351.504.316	350.089.908
	-	(154.452.887)
Thu nhập chịu thuế	6.114.283.462	4.019.444.665
Thu nhập tính thuế	6.114.283.462	4.019.444.665
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.222.856.692	803.888.933
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.222.856.692	803.888.933

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.539.922.454	3.019.918.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.539.922.454	3.019.918.711
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.666.661	15.749.994
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	177	192

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.749.994	15.749.994
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	9.916.667	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.666.661	15.749.994

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đồ dùng văn phòng	198.199.568	241.780.621
Chi phí nhân công	1.689.590.785	1.389.220.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.174.251.576	1.369.940.829
Chi phí dự phòng	561.168.281	222.555.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.961.212.920	563.951.089
Chi phí khác	335.276.491	263.287.504
Cộng	7.919.699.621	4.050.735.587

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng nhập gốc	70.586.333	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhập gốc	1.032.114.654	549.327.121

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

A, Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ, đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

Họ và tên	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Quyên	225.525.718	167.284.496
Ông Nguyễn Văn Quân	167.440.149	130.058.427
Bà Trần Thị Hồng Khang (Bổ nhiệm ngày 12/5/2025)	18.000.000	6.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà (Bổ nhiệm ngày 12/5/2025)	12.000.000	4.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương (Miễn nhiệm ngày 12/5/2025)	-	12.000.000
Ông Trần Bá Dũng (Miễn nhiệm ngày 12/5/2025)	-	8.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (Bổ nhiệm ngày 17/4/2026)	47.179.480	-
Bà Nguyễn Thị Khuyên (Miễn nhiệm ngày 17/4/2026)	57.784.071	74.549.486
Cộng	527.929.418	401.892.409

B, Bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	2.442.232.013	-
Thu tiền phải thu khác	18.360.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày ở thuyết minh V.3; V.5./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bán sắt thép, phế liệu
- Lĩnh vực kinh doanh nông sản
- Lĩnh vực bán hàng hóa, dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán sắt thép, phế liệu	Lĩnh vực bán nông sản	Lĩnh vực bán hàng hóa, dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	704.907.369.705	183.564.510.000	38.675.431.803	927.147.311.508
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	704.907.369.705	183.564.510.000	38.675.431.803	927.147.311.508
Chi phí theo bộ phận	(691.431.250.170)	(183.577.580.000)	(33.258.628.125)	(908.267.468.294)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.476.109.535	(13.070.000)	5.416.803.678	18.879.843.214
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.528.518.552)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.351.324.662
Doanh thu hoạt động tài chính				4.012.622.129
Chi phí tài chính				(13.231.996.248)
Thu nhập khác				1.653.782.921
Chi phí khác				(22.954.318)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.222.856.692)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				4.539.922.454
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				76.700.904.445
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				2.214.381.138

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán sắt thép phế liệu	Lĩnh vực bán nông sản	Lĩnh vực bán hàng hóa, dịch vụ khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	372.131.687.071	84.310.495.208	63.242.580.321	519.684.762.600
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				223.309.370.333
Tổng tài sản				742.994.132.934
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	318.208.191.169	82.864.406.304	17.458.803.419	418.531.400.892
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3.163.766.394
Tổng nợ phải trả				421.695.167.286

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.625.206.020	13.142.668.648	6.625.206.020	13.142.668.648
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	95.147.016.645	93.602.516.049	95.147.016.645	93.602.516.049
Phải thu khách hàng	226.069.811.545	181.976.194.511	226.069.811.545	181.976.194.511
Các khoản phải thu khác	1.704.937.485	78.360.000	1.704.937.485	78.360.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Tài sản khác	10.901.578.299	35.795.739.382	10.901.578.299	35.795.739.382
Cộng	380.448.549.994	364.595.478.590	380.448.549.994	364.595.478.590
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	367.707.789.692	385.324.254.544	367.707.789.692	385.324.254.544
Phải trả người bán	41.372.099.745	8.135.018.634	41.372.099.745	8.135.018.634
Các khoản phải trả khác	968.378.469	257.325.709	968.378.469	257.325.709
Cộng	410.048.267.906	393.716.598.887	410.048.267.906	393.716.598.887

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	367.707.789.692	-	-	367.707.789.692
Phải trả người bán	41.372.099.745	-	-	41.372.099.745
Các khoản phải trả khác	968.378.469	-	-	968.378.469
Cộng	410.048.267.906	-	-	410.048.267.906
Số đầu năm				
Vay và nợ	385.324.254.544	-	-	385.324.254.544
Phải trả người bán	8.135.018.634	-	-	8.135.018.634
Các khoản phải trả khác	257.325.709	-	-	257.325.709
Cộng	393.716.598.887	-	-	393.716.598.887

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp của bên thứ ba cho đơn vị khác

Công ty đã dùng các tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty.

Cụ thể (xem thuyết minh số V.17):

Tài sản	Chủ sở hữu	Đơn vị nhận thế chấp
Căn hộ chung cư số 601 và Quyền sử dụng đất tại Công trình hỗn hợp MD Complex Tower, Phường Cầu Diễn, Khu đô thị Mỹ Đình I, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Ông Nguyễn Đức Nam và bà Đỗ Thị Thanh Nhân	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Đoàn tàu 2868, 2869, 2870, 2871, 2872	Công ty TNHH Vận tải H2 Việt Nam	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 325098; sổ vào sổ cấp GCN: CS-NTL: 01267 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/11/2015	Ông Trần Xuân Quỳnh và bà Phan Thị Mão	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Căn hộ chung cư số 1205A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC404239, sổ vào sổ cấp GCN: CS 33871	Ông Nguyễn Thành Lâm	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

9. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HSV VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu tại ngày 01/01/2026 (đã phân loại lại)
Các khoản tương đương tiền	112	35.626.310.860	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	92.442.283.561	93.602.516.049
Phải thu ngắn hạn khác	135	1.408.021.010	78.360.000
Tài sản ngắn hạn khác	165	-	35.795.739.382

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 06 tháng 08 năm 2026

Huong

Hauy



Vũ Thị Hương

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Văn Quân